

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT**

Sinh viên thực hiện:
LÊ THỊ HỒNG TRANG

Huế, tháng 12 năm 2019

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN- KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
VÀ XÁC ĐỊNH KẾ TQU KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH TRẠNG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT

Sinh viên thực hiện:

Lê Thị Hoàng Trang

Lớp: K50D – Kế toán

Niên khóa: 2016-2020

Giáo viên hướng dẫn:

Th.S Nguyễn Thị Thu Trang

Huế, tháng 12 năm 2019

Lời Cảm Ơn

Đầu tiên, em mu^ןn g^ןi l^ןi c^ןm Ơn chân thành nh^ןt t^ןi Ban giám hi^ןu nhà tr^ןng cùng toàn th^ן các th^ןy cô giáo c^ןa Tr^ןng Đ^ןi h^ןc Kinh t^ן - Đ^ןi h^ןc Hu^ן, đ^ןc bi^ןt là các th^ןy cô giáo trong khoa K^ן toán – K^ןm toán đã luôn đ^ןu đ^ןt, đ^ןy đ^ן và trang b^ן cho em nh^ןng ki^ןn th^ןc b^ן ích trong su^ןt 6 kỳ h^ןc v^ןa qua.

Là m^ןt sinh viên ch^ןa có nhi^ןu kinh nghi^ןm th^ןc t^ן, quá trình th^ןc t^ןp t^ןi công ty không ph^ןi là dài tuy nhiên nó đã cho em nh^ןng kinh nghi^ןm b^ן ích. S^ן giúp đ^ן t^ןn tình c^ןa cán b^ן công nhân viên Công ty TNHH Trang trí n^ןi th^ןt Tiên Phát đã giúp em r^ןt nhi^ןu trong vi^ןc t^ןp c^ןn v^ןi th^ןc t^ן, có thêm nhi^ןu kinh nghi^ןm th^ןc t^ןn đ^ן th^ןc hi^ןn đ^ן tài nghi^ןp c^ןu c^ןa mình.

Đ^ןc bi^ןt em xin g^ןi l^ןi c^ןm Ơn sâu s^ןc đ^ןn cô Ths. Nguy^ןn Th^ן Thu Trang đã t^ןn tình h^ןng đ^ןn, góp ý, gi^ןi đáp th^ןc m^ןc và truy^ןn đ^ןt nh^ןng kinh nghi^ןm quý báu, cũng nh^ן luôn quan tâm, nh^ןc nh^ן, đ^ןng viên em trong su^ןt quá trình hoàn thành khóa lu^ןn t^ןt nghi^ןp c^ןa mình.

Em xin chân thành c^ןm Ơn Ban giám đ^ןc cùng các anh ch^ן phòng k^ן toán - tài chính c^ןa Công ty TNHH Trang trí n^ןi th^ןt Tiên Phát đã quan tâm h^ןng đ^ןn, giúp đ^ן em r^ןt nhi^ןt tình trong th^ןi gian th^ןc t^ןp t^ןi Công ty.

Qua quá trình th^ןc t^ןp, nghi^ןn c^ןu t^ןi đ^ןn v^ן, m^ןc dù đã c^ן g^ןng trong vi^ןc hoàn thi^ןn đ^ן tài c^ןa mình nh^ןng do h^ןn ch^ן v^ן th^ןi gian cũng nh^ן v^ןn ki^ןn th^ןc còn h^ןn h^ןp nên không tránh nh^ןng thi^ןu sót nh^ןt đ^ןnh. R^ןt mong s^ן đ^ןng góp ý ki^ןn, nh^ןn xét c^ןa các th^ןy cô đ^ן đ^ן tài c^ןa em đ^ן c^ן hoàn thi^ןn h^ןn.

M^ןt l^ןn n^ןa, em xin chân thành c^ןm Ơn!

Hu^ן, ngày 23 tháng 12 năm 2019

Sinh viên

Lê Th^ן H^ןng Trang

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BHXXH	Bộ hồ sơ xã hội
BTC	Bộ tài chính
BVMT	Bộ về môi trường
CCDV	Cung cấp dịch vụ
CKTM	Chỉ thị khu vực nông thôn
CNTT	Công nghệ thông tin
CP	Cấp
ĐVT	Đơn vị tính
GGHB	Giá trị hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng
HBBTL	Hàng bán buôn
HTK	Hàng tồn kho
K/C	Kết chuyển
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
KKTX	Kê khai thuế xuyên
KQKD	Kết quả kinh doanh
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TT	Thông tin
TTĐB	Tiêu chuẩn đặc biệt
TTNT	Trang trí nội thất

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 2.1-Tình hình lao động của công ty qua 2 năm 2017 - 2018	55
Bảng 2.2- Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty trong 3 năm 2016 – 2018...	58
Biểu đồ 2.1- Tình hình tài sản của Công ty giai đoạn 2016 - 2018.....	59
Biểu đồ 2.2- Tình hình nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2016 – 2018	60
Bảng 2.3 - Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 3 năm 2016-2018	62
Bảng 2.4. Bảng lương nhân viên văn phòng tháng 10	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18
Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	23
Sơ đồ 1.3 - Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTXX	27
Sơ đồ 1.4 - Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.....	28
Sơ đồ 1.5 - Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	30
Sơ đồ 1.6 - Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	36
Sơ đồ 1.7. Kế toán Thu nhập khác	39
Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí khác.....	41
Sơ đồ 1.9 - Kế toán chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44
Sơ đồ 1.10 - Kế toán thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	45
Sơ đồ 2.1 - Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty	51

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 – Hóa đơn GTGT bán ra số 216.....	67
Bảng 2.2 - Phiếu thu	67
Bảng 2.3 - Hóa đơn GTGT bán ra số 189	70
Bảng 2.4 - Trích sổ chi tiết Tài khoản 5111.....	71
Bảng 2.5 - Trích sổ cái Tài khoản 5111	72
Bảng 2.6 - Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 184.....	74
Bảng 2.7 - Phiếu xuất kho theo hóa đơn số 189.....	76
Bảng 2.8 - Trích sổ chi tiết Tài khoản 632.....	77
Bảng 2.9 - Trích sổ cái Tài khoản 632	78
Bảng 2.10 – Trích sổ chi tiết Tài khoản 515	80
Bảng 2.11 - Trích sổ cái Tài khoản 515	81
Bảng 2.12 – Hóa đơn GTGT mua vào Số 600.....	86
Bảng 2.13 - Phiếu chi	87
Bảng 2.14 - Trích sổ chi tiết tài khoản 6422.....	88
Bảng 2.15 - Trích sổ cái Tài khoản 6422	89
Bảng 2.16 – Hóa đơn GTGT mua vào để chi t kho.....	91
Bảng 2.17 – Trích sổ chi tiết Tài khoản 711	92
Bảng 2.18 - Trích sổ cái tài khoản 711.....	93
Bảng 2.19 – Trích sổ chi tiết tài khoản 821.....	95
Bảng 2.20 – Trích sổ cái tài khoản 821.....	96
Bảng 2.21 - Trích sổ chi tiết Tài khoản 911.....	100
Bảng 2.22 – Trích sổ cái tài khoản 911	101

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ	ii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	iii
DANH MỤC BIỂU	iv
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài	2
3. Đối tượng nghiên cứu đề tài.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu đề tài.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài	3
6. Kết cấu đề tài.....	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	5
1.1. Một số lý luận cơ bản liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.1. Doanh thu	5
1.1.1.1. Khái niệm	5
1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	6
1.1.2. Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2.1. Các khái niệm có liên quan đến xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2.2. Khái niệm và cách thức xác định kết quả hoạt động kinh doanh	12
1.1.3. Các phương pháp tiêu thụ sản phẩm.....	13
1.1.3.1. Phương pháp bán buôn	13
1.1.3.2. Phương pháp bán lẻ	14
1.2. Nội dung kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	15
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15
1.2.1.1. Chứng từ sổ đăng	15
1.2.1.2. Sổ sách kế toán.....	15
1.2.1.3. Tài khoản sổ đăng	15
1.2.1.4. Nguyên tắc hạch toán.....	16

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán	17
1.2.2. Kế toán các khoản ghi m tr doanh thu	19
1.2.2.1. Chứng từ sổ dng	19
1.2.2.2. Sổ sách kế toán	19
1.2.2.3. Tài khoản sổ dng	19
1.2.2.4. Nguyên tắc kế toán	20
1.2.2.5. Phương pháp hạch toán:	23
1.2.3. Kế toán giá v n hàng bán	24
1.2.3.1. Chứng từ sổ dng	24
1.2.3.2. Sổ sách tài khoản	24
1.2.3.3. Tài khoản sổ dng	24
1.2.3.4. Nguyên tắc kế toán	26
1.2.3.5. Phương pháp hạch toán	27
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt đng tài chính	28
1.2.4.1. Chứng từ sổ dng	28
1.2.4.2. Sổ sách kế toán	28
1.2.4.3. Tài khoản sổ dng	28
1.2.4.4. Nguyên tắc kế toán	29
1.2.4.5. Phương pháp hạch toán	30
1.2.5. Kế toán chi phí tài chính	30
1.2.5.1. Chứng từ sổ dng	30
1.2.5.2. Sổ sách kế toán	30
1.2.5.3. Tài khoản sổ dng	31
1.2.5.4. Nguyên tắc kế toán	31
1.2.5.5. Phương pháp hạch toán	32
1.2.6. Kế toán chi phí qu n lý kinh doanh	33
1.2.6.1. Chứng từ sổ dng	33
1.2.6.2. Sổ sách kế toán	33
1.2.6.3. Tài khoản sổ dng	33
1.2.6.4. Nguyên tắc kế toán	34
1.2.6.5. Phương pháp hạch toán	36
1.2.7. Kế toán thu nh p khác	36

1.2.7.1. Chế độ kế toán tài sản	36
1.2.7.2. Sổ sách kế toán	36
1.2.7.3. Tài khoản kế toán	37
1.2.7.4. Nguyên tắc kế toán	37
1.2.7.5. Phương pháp hạch toán	39
1.2.8. Kế toán chi phí khác	39
1.2.8.1. Chế độ kế toán tài sản	40
1.2.8.2. Sổ sách kế toán	40
1.2.8.3. Tài khoản kế toán	40
1.2.8.4. Nguyên tắc kế toán	40
1.2.8.5. Phương pháp kế toán	41
1.2.9. Kế toán chi phí thu nhập doanh nghiệp	42
1.2.9.1. Chế độ kế toán tài sản	42
1.2.9.2. Sổ sách kế toán	42
1.2.9.3. Tài khoản kế toán	42
1.2.9.4. Nguyên tắc kế toán	43
1.2.9.5. Phương pháp hạch toán	44
1.2.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	45
1.2.10.1. Chế độ kế toán tài sản	45
1.2.10.2. Sổ sách kế toán	45
1.2.10.3. Tài khoản kế toán	45
1.2.10.4. Nguyên tắc kế toán	46
1.2.10.5. Phương pháp hạch toán	47
1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	47
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRANG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT	49
2.1. Khái quát về Công ty TNHH Trang Trí Nội thất Tiên Phát	49
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	49
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty	50
2.1.2.1. Chức năng	50
2.1.2.2. Nhiệm vụ	51
2.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	51

2.2.1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy	51
2.2.1.2. Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán.....	51
2.2.2 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	52
2.2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	52
2.2.2.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng.....	53
2.2.3 Tình hình nguồn lực của Công ty qua 3 năm (2016 – 2018)	54
2.2.3.1. Tình hình lao động tại Công ty.....	54
2.2.3.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn	56
2.2.3.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	61
2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trang trí nội thất Tiên Phát.....	64
2.3.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại Công ty	64
2.3.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....	65
2.3.2.1. Chế độ kế toán	65
2.3.2.2. Sơ sách kế toán.....	65
2.3.2.3. Tài khoản kế toán	65
2.3.2.4. Ví dụ minh họa	66
2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.....	73
2.3.3.1. Chế độ kế toán	73
2.3.3.2. Sơ sách kế toán.....	73
2.3.3.3. Tài khoản kế toán	73
2.3.3.4. Ví dụ minh họa	73
2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty.....	79
2.3.4.1. Chế độ kế toán	79
2.3.4.2. Sơ sách kế toán.....	79
2.3.4.3. Tài khoản kế toán	79
2.3.4.4. Ví dụ minh họa	79
2.3.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty	82
2.3.5.1. Chế độ kế toán	82
2.3.5.2. Sơ sách kế toán.....	82
2.3.5.3. Tài khoản kế toán	82
2.3.5.4. Ví dụ minh họa	82
2.3.6. Kế toán thu nhập khác tại Công ty.....	90

2.3.6.1. Chế độ thuế suất doanh nghiệp.....	90
2.3.6.2. Sổ sách kế toán.....	90
2.3.6.3. Tài khoản sổ doanh nghiệp.....	90
2.3.6.4. Ví dụ minh họa.....	90
2.3.7 Kế toán chi phí thu nhập doanh nghiệp tại Công ty.....	94
2.3.7.1. Chế độ thuế suất doanh nghiệp.....	94
2.3.7.2. Sổ sách sổ doanh nghiệp.....	94
2.3.7.3. Tài khoản sổ doanh nghiệp.....	94
2.3.7.4. Ví dụ minh họa.....	95
2.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	97
2.3.8.1 Chế độ thuế suất doanh nghiệp.....	97
2.3.8.2. Sổ sách sổ doanh nghiệp.....	97
2.3.8.3. Tài khoản sổ doanh nghiệp.....	98
2.3.8.4. Ví dụ minh họa.....	98
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP NHUẬN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TRẠNG TRÍ NỘI THẤT TIỀN PHÁT	102
3.1. Nhận xét về công tác kế toán doanh thu và Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	102
3.1.1. Ưu điểm.....	102
3.1.2. Nhược điểm.....	104
3.2. Mô tả sơ giới thiệu pháp nhuận hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trang trí nội thất Tiên Phát.	105
3.2.1. Về công tác quản lý.....	105
3.2.2. Về hình thức tổ chức chế độ thuế suất.....	106
3.2.3. Về Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	106
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	109
1. Kết luận	109
2. Kiến nghị	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	
PHỤ LỤC	112

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**1. Lý do chọn đề tài**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?”. Xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không ngừng chịu tác động của quy luật giá trị mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thị trường hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu được được có thể bù đắp được toàn bộ chi phí bỏ ra và không bị lỗ, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là khoản lãi, ngược lại nếu doanh thu không bù đắp lại được các khoản chi phí bỏ ra thì phần mà doanh nghiệp phải bù đắp thêm đó được gọi là khoản lỗ. Chỉ tiêu lãi, lỗ được phản ánh qua việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nó phản ánh lên tình hình kinh doanh của doanh nghiệp có phát triển hay không? Và tất nhiên, bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng không muốn bị lỗ và mong muốn có được lợi nhuận, hơn nữa lợi nhuận được được phải là tối đa. Vậy để có được lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có một doanh thu hợp lý. Như ta biết phần lớn các doanh nghiệp thường mua dịch vụ thì doanh thu được được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ. Do đó, việc thị trường hiện hành đang kế toán về doanh thu và XĐKQKD sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Công tác kế toán Doanh thu và XĐKQKD là một công cụ quản lý kinh tế quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Là chủ của một doanh nghiệp đi vào hành, quản lý, phân tích, đánh giá là chọn phương án nào hợp lý, hiệu quả nhất.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp Tiên Phát, cũng như lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được trong quá trình sản xuất kinh doanh. Và để thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và bộ phận kế toán doanh thu và XĐKQKD nói riêng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tôi đã chọn đề tài: “Kế

toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trang trí nội thất Tiên Phát” làm khóa luận tốt nghiệp của mình với mong muốn được tìm tòi, học hỏi, trau dồi và nâng cao kiến thức về mặt lý luận, vận dụng những kiến thức đã được học trên trường vào thực tiễn và tiếp thu các kinh nghiệm thực tế để hoàn thiện bản thân, phục vụ cho công việc sau này.

2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài

Mục tiêu chung: Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, từ đó tìm giải pháp giúp hoàn thiện về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát.

Mục tiêu cụ thể:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát.

Thứ ba, đề xuất một số biện pháp góp phần hoàn thiện Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát.

3. Đối tượng nghiên cứu đề tài

Đề tài có đối tượng nghiên cứu cụ thể là đi sâu vào tìm hiểu và đánh giá nội dung, phương pháp, đặc điểm kế toán, quy trình kế toán và công tác kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TTNT Tiên Phát.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Trang trí Nội thất Tiên Phát.

Phạm vi không gian: Đề tài này được thực hiện tại Phòng Kế toán của Công ty TNHH Trang trí Nội thất Tiên Phát, thông qua các chức vụ có liên quan, cùng các quy định, quy chế của Công ty.

Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu số liệu qua 3 năm từ 2016 - 2018 với tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài sản và nguồn vốn, kết quả hoạt động kinh doanh.

Lấy ví dụ minh họa trong năm 2018 của Công ty TNHH TTNT Tiên Phát

5. Phương pháp nghiên cứu dữ liệu

Trong quá trình thực hiện dữ liệu, tôi đã sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau:

Phương pháp quan sát: Thông qua việc quan sát cách làm việc của các nhân viên Phòng Kế toán và một số cán bộ, nhân viên các phòng ban khác để nắm bắt quy trình xử lý, luân chuyển các chứng từ, định khoản, ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hiểu rõ hơn công tác kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Phương pháp này được sử dụng để thu thập các dữ liệu thứ cấp từ Công ty cung cấp. Các thông tin đó gồm thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua báo cáo tài chính năm, các tài liệu kế toán, các hóa đơn, chứng từ, sổ sách liên quan đến kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Phương pháp so sánh: Là phương pháp so sánh, đối chiếu, đánh giá sự tăng, giảm của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để thấy rõ được xu hướng biến động của từng chỉ tiêu đó.

Phương pháp tổng hợp, xử lý số liệu: Phương pháp này được sử dụng để tổng hợp, phân tích số liệu thô đã thu thập được. Từ đó, khái quát và nêu lên những nhận xét, đánh giá và một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Phương pháp thống kê, mô tả: Phương pháp này được sử dụng để thống kê, sắp xếp những thông tin, dữ liệu thu thập được theo một trật tự nhất định và có tính logic nhằm phục vụ cho việc so sánh, phân tích.

Phương pháp kế toán: gồm các phương pháp chứng từ, phương pháp đối chiếu tài khoản và phương pháp tổng hợp cân đối nhằm phục vụ quá trình nghiên cứu dữ liệu công ty, để hệ thống hóa và tìm hiểu thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

6. Kết luận dữ liệu

Kết luận của dữ liệu “Thực trạng công tác kế toán Doanh thu và xác định kết

quản kinh doanh tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát” gồm 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán Doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TTNT Tiên Phát.

Chương 3: Giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và XĐKQKD tại Công ty TNHH trang trí nội thất Tiên phát.

Phần III: Kết luận

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số lý luận cơ bản liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 về “Doanh thu và thu nhập khác” (Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), định nghĩa doanh thu như sau:

“Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.”

Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc số thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt...) nếu có.

Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng tổng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên từng khối lượng hàng mua mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc hỏng hóc thu hồi. Như vậy

giá mua hàng bán và chiết khấu thương mại có bên chốt như nhau: đều là giá mua cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.

Giá trị hàng bán bỏ trừ lại là giá trị khi lập hàng bán đã xác định là tiêu thụ bởi khách hàng trả lại và tiếp chi thanh toán do các nguyên nhân như: vì phạm cam kết; vì phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trả giá hàng bán bỏ trừ lại cần đồng thời ghi giảm tổng nợ trả giá với hàng bán trong kỳ.

Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế đều xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp đặc biệt coi là mặt trong nhóm nhóm giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuế đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trừ ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia...
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê công suất hàng tháng
- Thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

(a) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí từ giao dịch bán hàng.

(b) Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch với cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời tất cả (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.2. Xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Các khái niệm có liên quan đến xác định kết quả kinh doanh

(a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đầu vào doanh nghiệp thực hiện), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp xác định giá vốn hàng hóa xuất kho có thể được xác định theo một trong các phương pháp sau:

Phương pháp giá bình quân gia quyền:

$$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} = \frac{\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}}$$

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

Giá đơn vị bình quân cuối kỳ đầu tiên: Theo cách này, cuối kỳ kế toán mới tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ đầu tiên} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân liên hoàn (Bình quân sau mỗi lần nhập): Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau lần nhập đó, theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp nhập trước, xuất trước:

Theo phương pháp này, hàng nào nhập vào trước sẽ được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau (hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập đầu tiên).

Phương pháp giá bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho và số lượng lưu các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương đối thấp mà không phải sử dụng các phương pháp tính giá khác.